

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/DS-ST**
Ngày: 19/4/2021
V/v “*Tranh chấp về ranh giới
quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Hiền và bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 và 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2020/DSST ngày 01/4/2020; Về việc “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 54/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Thái B, sinh năm 1975; Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Số 5A kiệt 11 đường C, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, (tại phiên tòa ngày 26/3/2021 đều có mặt, tại phiên tòa ngày 19/4/2021 đều vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1972. Địa chỉ: 238C đường P, phường P, thành phố Huế, có mặt.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1954; Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958;

Cùng trú tại: Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Ông Hoàng S, sinh năm 1985; địa chỉ: 9/184 đường Đ, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1984; địa chỉ: 41 đường T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thị Mỹ N; Cùng cư trú tại: Số 41 đường T, phường T, thành phố Huế, đều vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 159 (1-9), tờ bản đồ số 23, diện tích 150m², tọa lạc tại Tổ 16, khu vực 5, phường Thủy Xuân, thành phố Huế là thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Phước Bảo L, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC454065 ngày 11/8/2016 đứng tên ông Nguyễn Phước Bảo L. Ngày 30/8/2016, ông Nguyễn Phước Bảo L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Như Nhật L, đến ngày 17/5/2018 thì bà Nguyễn Như Nhật L tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Ngô Thái B và bà Nguyễn Thị Bích L. Khi nhận chuyển nhượng thì phía bên trái của thửa đất có 01 ngôi mộ. Theo họa đồ đo vẽ tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất của ông B và bà L cách tim mộ 2,5m, chiều rộng 9,4m và 7,9m, cộng góc 2,1m, chiều dài 16m². Lô đất của ông B và bà L nằm giữa thửa đất 158-2 (hiện nay đã được phân ra 2 thửa là thửa số 170 (166-1 và 166-2) và thửa 158-3. Các hộ lân cận phân chia đất như thế nào thì ông B và bà L không nắm rõ nhưng chủ thửa đất số 170 (166-2) là các ông bà Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị M, Hoàng S và Nguyễn Thị Thu S đã lấn sang thửa đất của ông B và bà L có diện tích chiều ngang khoảng 1,25m và chiều dài là 16m. Do đó khi tiến hành đo vẽ lại thì ông B và bà L thấy thửa đất chỉ cách tim mộ 2m. Như vậy là ông H, bà M, ông S và bà S đã lấn đất của ông B và bà L với diện tích khoảng 20m² dẫn đến việc khoảng cách giữa thửa đất của ông B và bà L và ngôi mộ (nằm phía bên trái thửa đất) bị thu hẹp nên phát sinh tranh chấp. Ông B và bà L đã gửi đơn đến UBND phường T đề nghị giải quyết nhưng không thành. UBND phường T đã có quyết định đình chỉ xây dựng đối với các hộ nói trên nhưng họ vẫn không chấp hành và tiếp tục xây dựng. Do đó ông Ngô Thái B, bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các ông bà Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị M, Hoàng S và Nguyễn Thị Thu S phải trả lại diện tích 20m² đất đã lấn chiếm.

Tại bản tự khai ngày 08, 15/5/2020, bị đơn là các ông bà Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị M, Hoàng S, Nguyễn Thị Thu S đều trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 170 (166-2), tờ bản đồ số 23, diện tích 109,7m², tọa lạc tại Tổ 16, khu vực 5, phường Thủy Xuân, thành phố Huế là đất hương hỏa của bà ngoại ông Nguyễn Mạnh H là bà Hồ Thị Yên N để lại cho con cháu sử dụng, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 360401 ngày 08/3/2019 đứng tên Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị M, Hoàng S, Nguyễn Thị Thu S. Quá trình vợ chồng ông H, bà M và vợ chồng ông S, bà S sinh sống trên thửa đất này thì không có thay đổi, biến động gì, hiện trạng đất ở ổn định. Vợ chồng ông H bà M, ông S và bà S đã xây dựng nhà ở trên

thửa đất này theo giấy phép xây dựng số 975/GPXD được UBND thành phố Huế cấp ngày 02/7/2019. Quá trình xây dựng thì ông Nguyễn Thái B, bà Nguyễn Thị Bích L gửi đơn đến UBND phường T yêu cầu đình chỉ xây dựng. UBND phường T đã tổ chức hoà giải nhưng không thành nên sau đó đã đình chỉ xây dựng công trình với lý do đất có tranh chấp. Sau đó UBND phường T đã mời Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế xác định cắm mốc theo hiện trạng, qua đó xác định mốc hiện trạng đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng nên UBND phường T cho phép ông bà tiếp tục xây dựng công trình.

Nay ông Ngô Thái B, bà Nguyễn Thị Bích L yêu cầu các ông bà phải trả lại phần diện tích đất bị lấn chiếm khoảng 20m² đã nói trên thì các ông bà không đồng ý. Ông H, bà M và ông S, bà S cho rằng phần diện tích đất 20m² mà ông B bà L khai nại thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Hùng bà Mai và vợ chồng ông S bà S. Do đó các ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 13/8/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thị Mỹ N (con trai và con dâu của ông H bà M), đều trình bày: Về nguồn gốc thửa đất thì anh chị thống nhất như phần trình bày của ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị M, ông Hoàng S, bà Nguyễn Thị Thu S. Hiện tại anh chị đang ở trong căn nhà do bố mẹ anh chị là ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị M tạo lập. Sau khi được cấp giấy phép xây dựng thì ông H bà M đã tiến hành xây dựng nhà và anh chị không có đóng góp công sức gì trong việc xây dựng, tạo lập ngôi nhà cả. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái B, bà Nguyễn Thị Bích L yêu cầu các ông bà Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị M, ông Hoàng S, bà Nguyễn Thị Thu S phải trả lại phần diện tích đất bị lấn chiếm khoảng 20m² đã nói trên thì anh chị không đồng ý. Anh chị cho rằng phần diện tích đất 20m² mà ông B bà L khai nại thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông H bà M và vợ chồng ông S bà S. Do đó anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thị Mỹ N có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Toà án tại Toà án, ông Nguyễn Mạnh H, ông Hoàng S, bà Nguyễn Thị Thu S có đơn xin vắng mặt tại phiên toà.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc các ông bà Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị M, ông Hoàng S, bà Nguyễn Thị Thu S phải trả lại diện tích 32m² đã lấn chiếm; nguyên đơn là ông Ngô Thái B và bà Nguyễn Thị Bích L có đơn yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp trên giải quyết đồng thời nộp kèm theo đơn yêu cầu huỷ quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 360401 ngày 08/3/2019 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho các ông bà Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị M, ông Hoàng S, bà Nguyễn Thị Thu S.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 9 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, điều 175, 190 Bộ luật dân sự; Điều 95, Điều 100, Điều 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án giải quyết vụ án theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Ngô Thái B và bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là bất động sản tại Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cho rằng bị đơn là người sử dụng đất liền kề đã lấn chiếm đất với diện tích 20m², nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất”.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị M, Hoàng S, Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Mạnh H, chị Nguyễn Thị Mỹ N đều vắng mặt đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

Đối với yêu cầu tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Nguyễn Đình H và nguyên đơn về thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện gồm: Yêu cầu phía bị đơn phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 32m²; yêu cầu hủy quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 360401 ngày 08/3/2019 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bị đơn; đồng thời chuyển vụ án lên Tòa án cấp trên giải quyết. Nhận thấy, theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu*”, theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 thì nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả diện tích đất là 20 m² nên yêu cầu bổ sung trên của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Mặt khác, việc nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn nhưng không cung cấp, xuất trình được tại phiên tòa chứng cứ để chứng minh việc cấp giấy chứng nhận này rõ ràng là trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả diện tích đất tranh chấp là 20m² tọa lạc tại Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC454065 ngày 11/8/2016 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Nguyễn Phước Bảo L, có số hiệu thửa đất 159 (1-9), thuộc tờ bản đồ số 23, diện tích 150m², địa chỉ: Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, đăng ký bổ sung đã chuyển nhượng cho ông B và bà L ngày 17/5/2018; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 360401 ngày 08/3/2019 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị M, Hoàng S, Nguyễn Thị Thu S, có số hiệu thửa đất 170 (166-2), thuộc tờ bản đồ số 23, diện tích 109,7m², địa chỉ: Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, do đó có cơ sở xác định các đương sự có quyền sử dụng đất hợp pháp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng bị đơn có lấn chiếm ranh giới sử dụng đất gồm 20m² (chiều ngang 1,25m và chiều dài là 16m), thấy rằng: Theo Bản vẽ hiện trạng nhà đất số 3249 ngày 28/8/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế thể hiện việc sử dụng đất hiện nay của bị đơn có hiện trạng, hình thể các cạnh và diện tích không thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn là 109,7m², các công trình nhà ở của bị đơn không chồng lấn ranh giới quyền sử dụng đất của nguyên đơn; ranh giới sử dụng đất của hai bên là một đường thẳng có chiều dài ranh giới phần bị đơn sử dụng là 15m và phần nguyên

đơn sử dụng là 16m là phù hợp với các cạnh diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các bên. Như vậy, thể hiện bị đơn sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Luật đất đai và không lấn chiếm quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

[2.2] Đối với ý kiến của nguyên đơn về nội dung do có sự thay đổi về hình dạng và khoảng cách của ngôi mộ đối với một cạnh diện tích đất của nguyên đơn khi đo vẽ lại là thiếu, nên cho rằng phía bị đơn có lấn chiếm đất, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện nội dung buộc bị đơn phải “...trả lại 20m² phần đất đã lấn chiếm...”. Như vậy, nguyên đơn chỉ tranh chấp ranh giới sử dụng đất đối với bị đơn và chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lại 20m² đất mà nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lấn chiếm. Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn và Bản vẽ hiện trạng nhà đất thể hiện ngôi mộ không nằm trên ranh giới quyền sử dụng đất mà các bên tranh chấp (mà nằm tại vị trí cạnh đối diện, ranh giới với thửa đất khác) nên nội dung ý kiến này không liên quan đến việc sử dụng đất của bị đơn và không có liên quan khi giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Nguyên đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Từ những nhận định đánh giá trên, có cơ sở xác định bị đơn không có lấn chiếm quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Gồm 5.220.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí gồm 7.000.000 đồng [(7.000.000 đồng x 20 m²=140.000.000 đồng x 5%) = 7.000.000 đồng]. Ông Ngô Thái B, bà Nguyễn Thị Bích L đã nộp tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 009675 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nay phải tiếp tục nộp số tiền 6.000.000 đồng.

Bồi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 164, khoản 2 Điều 175, khoản 1 Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Thái B và bà Nguyễn Thị Bích L, về việc yêu cầu bị đơn là các ông bà Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị M, Hoàng S, Nguyễn Thị Thu S phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm có diện tích 20m² tọa lạc tại Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế.

[2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Là 5.220.000 đồng, nguyên đơn ông Ngô Thái B, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu toàn bộ chi phí, thẩm định, định giá. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Thái B, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 đồng. Ông Ngô Thái B, bà Nguyễn Thị Bích L đã nộp tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 009675 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nay phải tiếp tục nộp số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu dân.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

